

Số: /2023/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 964/TTr-STNMT ngày 16/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Long An theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày /4/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường *(b/c)*;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ *(b/c)*;
- Cục KTVB QPPL – Bộ Tư pháp *(b/c)*;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh *(b/c)*;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC, Ban NCTCD;
- Lưu: VT, STNMT, Nguyên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Long An theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày /4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9; khoản 1, 2, 3 Điều 10; khoản 1, 2, 3 Điều 11; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1, 2, 3 Điều 16; khoản 1, 2 Điều 34 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trên địa bàn tỉnh, bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tình trạng ban đầu của đất là tình trạng của các loại đất tồn tại trước thời điểm đối tượng thực hiện hành vi vi phạm, loại đất được xác định dựa trên các căn cứ quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 4. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất

1. Việc xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được thực hiện căn cứ vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, văn bản thanh tra, kiểm tra hoặc văn bản pháp lý khác được lập, ban hành trước thời điểm vi phạm pháp luật về đất đai có thể hiện tình trạng ban đầu của đất trước khi có hành vi vi phạm.

2. Trường hợp có nhiều tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này thể hiện khác nhau về tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì xác định theo tài liệu có thời điểm lập, ban hành mới nhất hoặc văn bản, tài liệu có giá trị pháp lý cao nhất.

3. Trường hợp không có hoặc có các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không rõ tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở khảo sát các thửa đất lân cận và thu thập ý kiến của người sử dụng đất liền kề, những người đã từng cư trú tại nơi có đất trước hoặc cùng thời điểm xảy ra hành vi vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 5. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà vị trí, diện tích, loại đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, phù hợp quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì yêu cầu đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như tại thời điểm phát hiện vi phạm, phải thực hiện thủ tục về đất đai và các thủ tục khác theo quy định.

2. Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà vị trí, diện tích, loại đất không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, không phù hợp quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

3. Gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác, vi phạm về quản lý chỉ giới sử dụng đất, mốc địa giới hành chính thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; hủy hoại đất thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc khôi phục lại trạng thái ngang bằng với các thửa đất liền kề.

4. Trường hợp lấn, chiếm đất thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

Chương II

MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT TRƯỚC KHI VI PHẠM

Điều 6. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 9; khoản 1, 2 và 3 Điều 10; khoản 1, 2 và 3 Điều 11; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP mà phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Đối tượng vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà vị trí, diện tích, loại đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì yêu cầu đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như tại thời điểm phát hiện vi phạm.

2. Đối tượng phải thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư, môi trường theo quy định.

Điều 7. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 9; khoản 1, 2 và 3 Điều 10; khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP mà không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi:

a) Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng.

b) Chuyển đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản.

c) Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp.

d) Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng trồng, đất rừng phòng hộ là rừng trồng, đất rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác (trong nhóm đất nông nghiệp hoặc sang đất phi nông nghiệp).

đ) Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác.

e) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản nước mặn, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản dưới hình thức ao, hồ, đầm.

g) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác sang đất phi nông nghiệp.

2. Để khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 8. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP mà không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất mà không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi:

a) Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần sang đất ở; chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền hàng năm sang đất ở.

b) Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ.

c) Chuyển đất thương mại, dịch vụ, đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

2. Để khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 9. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2022/NĐ-CP)

1. Chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa chưa đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi:

a) Chuyển đổi làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa.

b) Chuyển đổi không phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa của xã, phường, thị trấn.

c) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm không theo vùng sản xuất nông nghiệp của địa phương.

d) Chuyển đổi trồng lúa đồng thời kết hợp nuôi trồng thủy sản, sử dụng diện tích đất trồng lúa lớn hơn 20% để hạ thấp mặt bằng cho nuôi trồng thủy sản, độ sâu của mặt bằng hạ thấp quá 120 cm.

2. Để khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 10. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

Lấn, chiếm đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì đối tượng vi phạm phải thực hiện khắc phục như sau:

1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng trước ngày 01/7/2014 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì yêu cầu đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như tại thời điểm phát hiện vi phạm.

2. Đối với trường hợp lấn, chiếm không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì yêu cầu đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 11. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình:

a) Hành vi làm hạ thấp bề mặt đất do lấy đất mặt dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn hoặc san lấp nâng cao bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp so với các thửa đất liền kề thì phải san lấp khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc phải san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề.

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng; kênh, mương thủy lợi mà tại thời điểm quyết định xử lý vi phạm kênh, mương, mặt nước chuyên dùng đó còn cần thiết cho việc tưới, tiêu nước hoặc tạo môi trường, cảnh quan thì phải nạo vét trả lại hiện trạng kênh, mương, mặt nước chuyên dùng đó như ban đầu.

2. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất:

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì phải khôi phục lại tầng đất canh tác đảm bảo đủ độ dày như trước khi vi phạm.

Loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác phải sử dụng loại đất cũ của thửa đất đã lấy đi; trường hợp đất cũ đã sử dụng vào việc khác thì sử dụng đất khác có chất lượng bằng hoặc tốt hơn loại đất cũ. Việc sử dụng loại đất khác để khôi phục tầng đất canh tác phải được người có thẩm quyền xử phạt chấp thuận.

b) Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác so với loại đất sử dụng trước khi vi phạm thì phải loại bỏ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm.

Điều 12. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Hành vi đưa vật liệu xây dựng hoặc các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải dọn sạch các vật liệu xây dựng hoặc các vật khác đó trên diện tích đất đã đưa vật liệu xây dựng hoặc các vật khác để không còn ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

2. Hành vi đưa chất thải, chất độc hại lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải thu gom, xử lý các chất thải, chất độc hại đó theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Hành vi đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải san gạt lại diện tích đất bị đào bới; phá bỏ tường, hàng rào đã xây dựng để không còn ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Điều 13. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều 34 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Đối với trường hợp di chuyển, làm sai lệch mốc địa giới hành chính, mốc chỉ giới sử dụng đất: căn cứ vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; văn bản thanh tra, kiểm tra hoặc văn bản pháp lý khác được lập, ban hành trước thời điểm vi phạm pháp luật về đất đai để xác định yêu cầu khôi phục lại mốc địa giới hành chính, mốc chỉ giới sử dụng theo vị trí ban đầu.

2. Đối với trường hợp làm hư hỏng mốc địa giới hành chính, mốc chỉ giới sử dụng đất: yêu cầu đối tượng vi phạm sửa chữa hoặc thay mới để phục hồi lại tình trạng ban đầu của chỉ giới sử dụng đất, mốc địa giới hành chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong biện pháp khắc phục hậu quả thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b) Trường hợp đã lập biên bản vi phạm hành chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa có quyết định xử phạt hoặc chưa có quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm thực hiện theo Quyết định này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH